

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 43/2019/DS-ST

Ngày: 28/11/2019

V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiếu**

Hội thẩm nhân dân:

Bà **Phan Thị Hồng**

Bà **Võ Thị Diệu Thảo**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đương Thị Thủy** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố C tham gia phiên tòa:

Bà **Lê Thị Hồng Lan** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019 về "**Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa**" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 39/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 22/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty TNHH R**

Địa chỉ: Số 1100 QL1A – Khu phố 2 – P. T– Quận BT – TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Vạn Đại T– nhân viên Công ty (là đại diện theo ủy quyền). Ông T có mặt.

- Bị đơn: **Ông Nguyễn Xuân Th**; Địa chỉ: TDP LT, P. CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Vạn Đại T – địa chỉ 530 Đ, Phường 11, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Ông Du Hoán Nh - địa chỉ: 743/100 H, phường 6, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: Công ty TNHH R, Địa chỉ: Số 1100 QL1A – Khu phố 2 – P. T– Quận BT – TP. Hồ Chí Minh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn do ông Vạn Đại T đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông Nguyễn Xuân Th đã mua hàng của Công ty TNHH R như sau:

Theo hợp đồng ký ngày 18/6/2017 đã mua máy bơm cao áp hiệu Gold 5000 với giá theo hợp đồng là 155.000.000 đồng. Theo thỏa thuận chúng tôi sẽ nhận thanh toán trước 55.000.000 đồng, số tiền 100.000.000 đồng còn lại sẽ được trả chậm từng đợt 30 ngày, mỗi đợt thanh toán 10.000.000 đồng. Nếu vi phạm sẽ chịu tiền phạt với

lãi suất 0.1%/1 ngày. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Th đã vi phạm cam kết, không thanh toán đúng hạn. Tính đến ngày 23/7/2018 (ngày thanh toán cuối cùng) thì ông Th chỉ thanh toán được 41.000.000 đồng bao gồm các đợt thanh toán như sau:

- Ngày 31/10/2017 trả 8.000.000 đồng;
 - Ngày 05/12/2017 trả 12.000.000 đồng;
 - Ngày 10/4/2018 trả 7.000.000 đồng;
 - Ngày 27/4/2018 trả 7.000.000 đồng;
 - Ngày 28/6/2018 trả 3.000.000 đồng;
 - Ngày 23/7/2018 trả 4.000.000 đồng;
- còn nợ lại số tiền 59.000.000 đồng.

Ngoài ra, ông Th còn mua phụ tùng ô tô bên Công ty chúng tôi theo 21 hóa đơn bán lẻ là 30.285.000 đồng chưa thanh toán.

Do vậy, chúng tôi yêu cầu ông Th phải trả nợ tiền hàng là 59.000.000 đồng (tiền mua máy) và 30.285.000 đồng (tiền phụ tùng). Ngoài ra ông Th phải trả tiền lãi chậm trả theo thỏa thuận trong hợp đồng là 0.1%/ngày tính trên số tiền 59.000.000 đồng (tạm tính đến ngày 12/8/2019) là 24.072.000 đồng. Tổng cộng 113.357.000 đồng và yêu cầu tiền lãi sau ngày 12/8/2019 đến khi xét xử sơ thẩm.

Ngày 22/10/2019, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền mua máy bơm cao áp còn nợ là 59.000.000 đồng và phải trả tiền lãi chậm trả theo thỏa thuận trong hợp đồng là 0.1%/ngày tính trên số tiền 59.000.000 đồng (tạm tính đến ngày 12/8/2019) là 24.072.000 đồng, yêu cầu tiền lãi sau ngày 12/8/2019 đến khi xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa ngày 28/11/2019, nguyên đơn xác nhận các chứng cứ trả tiền do bị đơn cung cấp là đúng, bị đơn đã trả tổng cộng số tiền là 116.750.000 đồng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền mua máy bơm cao áp hiệu Gold 5000 còn thiếu là 38.250.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 18/6/2018 đến khi xét xử sơ thẩm theo lãi suất pháp luật quy định.

Bị đơn – Ông Nguyễn Xuân Th trình bày tại bản tự khai đề ngày 05/11/2019 và ngày 25/11/2019: Ngày 18/6/2017, tôi có mua của nguyên đơn 01 bơm cao áp, giá tiền 155.000.000 đồng. Ngay khi nhận hàng, tôi đã thanh toán 55.000.000 đồng (được thể hiện trong hợp đồng mua bán). Sau đó, tôi có trả dần theo thỏa thuận các khoản sau:

- Ngày 30/10/2017 trả trực tiếp cho anh Vạn Đại T 8.000.000 đồng
- Ngày 04/12/2017 trả theo phương thức chuyển khoản cho anh Du Hoán Nh (nguyên đơn đã cung cấp số tài khoản anh Nh trong hợp đồng) 12.000.000 đồng.
- Ngày 05/12/2017 trả trực tiếp cho anh Vạn Đại T 12.000.000 đồng.
- Ngày 06/4/2018 trả theo phương thức chuyển khoản cho anh Du Hoán Nh 7.000.000 đồng,
- Ngày 10/4/2018 trả trực tiếp cho anh Vạn Đại T 7.000.000 đồng.
- Ngày 27/4/2018 trả trực tiếp cho anh Vạn Đại T 7.000.000 đồng.
- Ngày 23/7/2018 trả trực tiếp cho anh Vạn Đại T 7.000.000 đồng.

- Ngày 14/02/2019 trả theo phương thức chuyển khoản cho anh Du Hoán Nh 1.750.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền tôi đã thanh toán cho nguyên đơn là 116.750.000 đồng, tôi chỉ còn nợ lại 38.250.000 đồng.

Do máy móc hư hỏng nặng, nguyên đơn không thực hiện việc sửa chữa, bảo trì theo thỏa thuận nên tôi không sử dụng được dẫn đến không có khả năng trả số tiền còn lại. Ngoài ra, tôi không mua bất kỳ hàng hóa nào của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vạn Đại T xác nhận ông là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH R ký kết và thực hiện hợp đồng bán máy bơm cao áp hiệu Gold 5000 như trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T đã nhận số tiền là 55.000.000 đồng khi ký hợp đồng với ông Nguyễn Xuân Th và 41.000.000 đồng nhận trực tiếp từ ông Nguyễn Xuân Th. Tổng cộng là 96.000.000 đồng. Đối với số tiền 20.750.000 đồng ông Nguyễn Xuân Th chuyển khoản cho ông Du Hoán Nh thì ông Nh cũng đã chuyển giao đầy đủ cho ông T để thực hiện hợp đồng. Ông T không có ý kiến, yêu cầu liên quan đến cá nhân ông, yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Du Hoán Nh xác nhận ông là chủ tài khoản số 060128777541 được các bên sử dụng để giao dịch mua bán nêu trên hợp đồng mua bán ngày 18/6/2017. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Xuân Th đã chuyển cho ông các khoản tiền như ông Th trình bày là đúng. Sau khi nhận tiền ông đã bàn giao đầy đủ cho ông T nên không có liên quan gì đến vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố C cho rằng: đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả tiền mua phụ tùng ô tô theo 21 hóa đơn bán lẻ là 30.285.000 đồng; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại số tiền mua hàng còn nợ là 38.250.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 18/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (1 năm 5 tháng 10 ngày) là 11.050.000 đồng. Về án phí: bị đơn chịu toàn bộ án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại số tiền hàng còn thiếu nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” là có căn cứ.

[1.3] Nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về việc trả tiền mua phụ tùng ô tô theo 21 hóa đơn bán lẻ là 30.285.000 đồng, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình

chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện này căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận, ngày 18/6/2017 Công ty TNHH R và ông Nguyễn Xuân Th đã ký kết hợp đồng mua bán, theo đó ông Nguyễn Xuân Th đã mua máy bơm cao áp hiệu Gold của Công ty TNHH R do ông Vạn Đại T là đại diện với giá 155.000.000 đồng. Ông Th đã thanh toán 55.000.000 đồng ngay khi nhận hàng. Theo thỏa thuận, số tiền 100.000.000 đồng còn lại được trả dần hàng tháng, mỗi tháng 10.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Xuân Th đã thanh toán trực tiếp cho ông Vạn Đại T (người được ủy quyền ký kết và thực hiện hợp đồng) số tiền là 41.000.000 đồng. Ngoài ra bị đơn đã thực hiện chuyển khoản vào số tài khoản của ông Du Hoán Nh (là số tài khoản được cung cấp trong hợp đồng) số tiền là 20.750.000 đồng. Ông T và ông Nh là những người được Công ty TNHH R cử đại diện để nhận tiền theo thỏa thuận trong hợp đồng. Như vậy, có cơ sở xác định bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền là 116.750.000 đồng.

[3] Bị đơn cho rằng do máy móc hư hỏng nặng, nguyên đơn không thực hiện việc sửa chữa, bảo trì theo thỏa thuận nên không sử dụng được dẫn đến không có khả năng trả số tiền còn lại tuy nhiên không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh hàng kém chất lượng, và bị đơn cũng không thực hiện quyền khiếu nại vẫn tiến hành thanh toán cho nguyên đơn cho đến ngày cuối cùng là 14/02/2019 nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến này. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền mua máy bơm còn thiếu là 38.250.000 đồng.

[4] Về tiền lãi chậm trả, căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, nên chấp nhận mức lãi suất 20%/năm, thời hạn chậm trả ghi nhận từ ngày 18/6/2018 đến khi xét xử sơ thẩm (1 năm 05 tháng 10 ngày) tính trên số tiền 38.250.000 đồng là: 11.050.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 49.300.000 đồng.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 49.300.000 đồng x 5% = 2.465.000 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.834.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 luật dân sự năm 2015;
- Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH R về việc yêu cầu ông Nguyễn Xuân Th phải trả tiền mua phụ tùng theo 21 hóa đơn bán lẻ là 30.285.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Nguyễn Xuân Thành phải trả cho Công ty TNHH R số tiền tổng cộng là 49.300.000

đồng (*bằng chữ: Bốn mươi chín triệu, ba trăm ngàn đồng*) bao gồm tiền mua máy bơm cao áp hiệu Gold còn thiếu là 38.250.000 đồng và tiền lãi 11.050.000 đồng.

3. Án phí:

Bị đơn ông Nguyễn Xuân Tphải chịu án phí là 2.465.000 đồng (*bằng chữ: Hai triệu, bốn trăm sáu mươi lăm ngàn đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn Công ty TNHH R số tiền tạm án phí là 2.834.000 đồng (*bằng chữ: Hai triệu, tám trăm ba mươi bốn ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000560 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

4. Quy định:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. C;
- Đương sự;
- THADS Tp. C;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiếu